

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

- Tên gói thầu: Trang cấp lễ phục năm 2025
- Tên dự toán: Trang cấp lễ phục năm 2025
- Chủ đầu tư: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Ninh Bình
- Nguồn vốn: Chi phí tại đơn vị
- Hình thức đấu thầu: Đấu thầu rộng rãi
- Phương thức đấu thầu: Một giai đoạn, một túi hồ sơ.
- Loại hợp đồng: Trọn gói.
- Thời gian thực hiện gói thầu: 60 ngày.
- Địa điểm thực hiện: Tỉnh Ninh Bình
- Tùy chọn mua thêm: Không có

Mục 2. Yêu cầu về kỹ thuật chung

1. Tiêu chuẩn chất lượng của hàng hóa

- Hàng hóa đảm bảo kiểu dáng, thông số kỹ thuật, chất lượng, theo đúng yêu cầu tại của Chủ đầu tư.
- Toàn bộ hàng hóa cung cấp phải bảo đảm mới 100%, nguyên đai, nguyên kiện, đóng gói theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất, đầy đủ nhãn mác, tên thương mại, ngày sản xuất, được sản xuất từ năm 2025 trở lại đây và sản xuất theo tiêu chuẩn so đo từng người.
- Có bảng liệt kê chi tiết danh mục hàng hóa phù hợp với yêu cầu về phạm vi cung cấp nêu tại Chương V với đầy đủ thông số kỹ thuật, xuất xứ, thương hiệu, mã hiệu, nhãn mác, hãng sản xuất, thời gian bảo hành hàng hóa.
- Nhà thầu cung cấp phiếu kết quả thí nghiệm chất lượng của các loại vải do cơ quan có thẩm quyền xác nhận.
- Nhà thầu phải thực hiện các công việc gồm: Tổ chức lấy số đo (quần, áo, mũ, giày, tất...) cho toàn bộ cán bộ tại Trụ sở Agribank Chi nhánh Ninh Bình; Cung cấp hàng hóa theo đúng số lượng, thông số kỹ thuật; Phối hợp kiểm tra nghiệm thu hàng hóa tại Agribank Chi nhánh Ninh Bình; Bàn giao hàng hóa tại Trụ sở Agribank Chi nhánh Ninh Bình. Sửa chữa, thay thế, đổi mới trong vòng 12 giờ nếu hàng hóa bị lỗi tại thời điểm giao hàng; Sửa chữa, thay thế, đổi mới trong vòng 24 giờ nếu hàng hóa bị lỗi trong thời gian bảo hành (12 tháng).

2. Thông số kỹ thuật của hàng hóa và các dịch vụ liên quan nhà thầu cung

cấp phải tuân thủ tối thiểu các thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn sau đây:

TT	Nội Dung	Mô tả chi tiết	Đơn vị	Số lượng
I	Lễ phục Nam	Số lượng cán bộ nam: 161 người		
1	Áo Vest Nam (Màu vải theo quy định nội bộ)	<p>Kiểu áo vest 1 hàng 2 cúc, vạt tròn xẻ sườn 2 bên, cổ chữ V.</p> <p>Thân trước có 3 túi, 2 túi viền có nắp ở vạt dưới, thân trước bên trái có 1 túi coi bỏ chéch, tay áo có thừa khuyết và 4 cúc ở gấu tay.</p> <p>Lót áo bên trong có màu tương đồng với vải chính. Thân trước bên trong có 2 túi trong ngực, 1 túi đựng kính dưới eo.</p> <p>Thân trước được dụng mex, gai, có ken vai 2 bên.</p> <p>Ve cổ áo được đột pick stitching chỉ cùng màu.</p>	Cái	02
2	Quần âu Nam (Màu vải theo quy định nội bộ)	<p>Kiểu quần âu nam, kiểu cạp cong, thân trước không ly, 2 bên sườn có 2 túi chéo.</p> <p>Cạp quần kiểu quai nhê nhọn, có móc và cúc hãm kích cỡ bụng theo người mặc. Cửa quần may khóa kéo, bên trong có lót cạp, có dây cao su chông xô lệch khi sơ vin áo.</p> <p>Thân sau có 2 túi bỏ viền thừa khuyết cài cúc, gấu quần có dây dẹt, gấu được vắt ngầm bên trong.</p>	Cái	04
3	Áo sơ mi Nam dài tay (Màu vải theo quy định nội bộ)	<p>Kiểu cách: Cổ đứng, nẹp bong, thân trước có 1 túi ngực, có chặn cài bút bên trong.</p> <p>Thân sau có câu vai, không xếp ly vai. Áo dài tay có thép tay, cài măng séc vát góc 2 bên, gấu áo có may cuộn theo thân áo</p>	Cái	02
4	Áo sơ mi Nam ngắn tay (Màu vải theo quy định nội bộ)	<p>Áo ngắn tay:kiểu cách may như áo dài tay.</p> <p>Áo ngắn tay có kiểu tay lật véo</p>	Cái	02

5	Caravat (Màu vải theo quy định nội bộ)	Kiểu caravat được thắt sẵn, có khóa kéo, tăng giảm theo cỡ cổ, khóa bên trong được thiết kế chống trượt, phần thân caravat được thiết kế vát nhọn ở giữa phù hợp với chiều cao cơ thể	Cái	01
II	Lễ phục Nữ	Số lượng cán bộ nữ: 159 người		
1	Áo Vest Nữ (Màu vải theo quy định nội bộ)	Kiểu áo vest 1 hàng 2 cúc vạt tròn, không xẻ, cổ ve nhọn, thân áo được thiết kế 4 mảnh. Thân trước phía dưới có 2 túi bỏ viền có nắp. Tay áo có đính 3 cúc cùng màu vải áo. Áo có lót cùng màu vải chính. Thân trước bên trong có 01 túi lót dưới eo. Áo thân trước có dựng mex, vai áo có ken vai bên trong.	Cái	02
2	Quần âu Nữ (Màu vải theo quy định nội bộ)	Kiểu quần âu nữ, cạp cong, thân trước không ly. Thân trước có 2 túi chéo 2 bên sườn. Ống quần đứng. Cạp quần cong có quai nhê tròn có cúc và móc hãm theo cỡ bụng, có đĩa quần. Cửa quần may khóa kéo. Thân sau có 2 ly chìm, gấu quần được vát ngầm bên trong.	Cái	02
3	Zuyp	Kiểu cách váy cạp cong 3 mảnh, thân trước có chiết ly và 1 túi coi đầu cạp bên phải. Thân sau có khóa kéo, xẻ sau, dài xẻ theo dài váy, có lót trong cùng màu.	Cái	02
4	Áo sơ mi Nữ dài tay (Màu vải theo quy định nội bộ)	Kiểu áo cổ đứng, chần rời, nẹp khuyết bong. Thân trước có 2 ly eo và 2 ly gằm nách. Tay dài có thép tay và măng séc vát góc, gấu áo may cuộn theo thân áo.	Cái	02
5	Áo sơ mi Nữ ngắn tay (Màu vải theo quy định nội bộ)	Áo ngắn tay:kiểu cách may như áo dài tay chỉ khác áo ngắn tay của tay máy lật ra ngoài máy ngầm.	Cái	02
6	Nơ (Màu vải theo quy định nội bộ)	Kiểu nơ thắt sẵn, củ ấu thắt sẵn có dây cài móc và dây đeo co giãn theo vòng cổ, phía dưới có phần nơ may chéo 2 lớp may so le cách điệu	Cái	1

Bảng 1. Tiêu chuẩn: Vải vest, quần, juyip màu xanh đen

TT	Chỉ tiêu		Phương pháp thử	Kết quả
1	Kiểu dệt		TCVN 4897:1989	Vân chéo 2/2
2	Độ dày (mm)		TCVN 5071:2007	0,30
3	Độ bền kéo đứt	Dọc (N)	TCVN 1754:1986 (Phương pháp băng vải)	542
		Ngang (N)		369
4	Độ nhỏ sợi tách ra từ vải	Dọc (Ne)	TCVN 5095:1990	54,5/2
		Ngang (Ne)		32,1/1
5	Khối lượng thực tế (g/m ²)		TCVN 8042:2009 (Lựa chọn C)	177
6	Độ sù lông bề mặt và vón kết sau 16 000 vòng quay (cấp)		TCVN 7426-1:2004	4
7	Mật độ	Dọc (sợi/10cm)	TCVN 1753:1986	412
		Ngang (sợi/10cm)		376
8	Thành phần nguyên liệu (%)		ISO/TR 11827:2012 TCVN 5465-1:2009 TCVN 5465-4:2009	Polyeste:30,6 Len:69,4
9	Độ bền màu giặt C(3); 600C (cấp)	Thay đổi màu		4
		Dây màu	Triaxetat	4-5
			Bông	4-5
			Polyamit	4
Polyeste	4-5			

			Acrylic		4-5
			Visco		4-5
10	Thay đổi kích thước sau giặt 40 °C và làm khô (%)	Dọc		TCVN 8041:2009	-1,0
		Ngang			-0,5
11	Khả năng kháng khuẩn – Tỷ lệ suy giảm của vi khuẩn	Escherichia coli ATCC 25922 (%)	0 giờ (B), CFU/mẫu	AATCC TM100 -2019	1,5 x 10 ⁵
			24 giờ (A), CFU/mẫu		< 1,0 x 10 ²
			% suy giảm (R)		> 99,9
		Staphylococcus aureus ATCC 6538 (%)	0 giờ (B), CFU/mẫu		1,4 x 10 ⁵
			24 giờ (A), CFU/mẫu		< 1,0 x 10 ²
			% suy giảm (R)		> 99,9
12	Khả năng bảo vệ tia UV (UPF)	UPF trung bình		EN 13758-1:2001 + A1:2006	2000
		Độ lệch chuẩn của UPF			0
		UPF của mẫu			> 50
		UVA trung bình (%)			0,05
		Độ lệch chuẩn của UVA			0
		UVB trung bình (%)			0,05
		Độ lệch chuẩn của UVB			0
13	Độ chịu kiềm (ngâm trong dung dịch NaOH 20% sau 8h tiếp xúc)	TCVN 2604:1978 (Mục: 2.2.1)		Không có dấu hiệu hư hỏng	
14	Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg)	TCVN 7421-		K.p.h	

		1:2013	
15	Các amin thơm giải phóng từ chất màu azo	TCVN 12512-1:2018	K.p.h

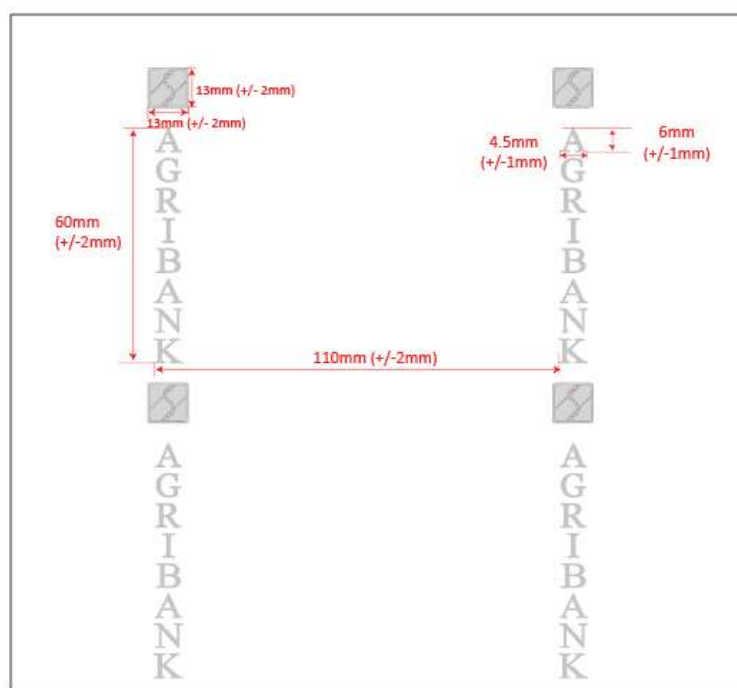
Bảng 2. Tiêu chuẩn: Vải áo sơ mi trắng.

TT	Chỉ tiêu		Phương pháp thử	Kết quả
1	Kiểu dệt		TCVN 4897:1989	Giắc ca
2	Độ dày (mm)		TCVN 5071:2007	0,26
3	Độ bền kéo đứt	Dọc (N)	TCVN 4897:1989 (Phương pháp băng vải)	806
		Ngang (N)		401
4	Độ nhỏ sợi tách ra từ vải	Dọc (Ne)	TCVN 5095:1990	49,0/1
		Ngang (Ne)		43,6/1
5	Khối lượng thực tế (g/m ²)		TCVN 8042:2009 (Lựa chọn C)	150
6	Độ sù lông bề mặt và vón kết sau 16 000 vòng quay (cấp)		TCVN 7426-1:2004	4
7	Mật độ	Dọc	TCVN 1753:1986	656
		Ngang		400
8	Thành phần nguyên liệu (%)		ISO/TR 11827:2012 TCVN 5465-1:2009 TCVN 5465-2:2009 TCVN 5465-11:2009 TCVN 5465-12:2009	Polyeste:65,8 Rayon:30,6 Spandex:3,6
9	Độ bền màu giặt C(3); 600C (cấp)	Thay đổi màu		4-5
		Dây màu	- Triaxetat	5
			- Bông	4-5
			- Polyamit	4-5
			- Polyeste	5
			TCVN 7835-C10:2007	

		- Acrylic		4-5
		- Visco		4-5
10	Thay đổi kích thước sau giặt 40 °C và làm khô (%)	Đọc	TCVN 8041:2009	-1,0
		Ngang		0
11	Độ chịu kiềm (ngâm trong dung dịch NaOH 20% sau 8h tiếp xúc)		TCVN 2604:1978 (Mục: 2.2.1)	Không có dấu hiệu hư hỏng
12	Hàm lượng Formaldehyt		TCVN 7421-1:2013	K.p.h
13	Các amin thơm giải phóng từ chất màu azo		TCVN 12512-1:2018	K.p.h

3. Kiểu dệt vải sơ mi Nam, Nữ:

- Kiểu dệt: Giắc-ca logo và chữ AGRIBANK
- Kích thước logo 13mm x 13mm (+/-2)
- Kích thước chữ: ngang 4,5mm x cao 6mm (+/-1)
- Chiều cao chữ AGRIBANK: 60mm (+/-2)
- Khoảng cách giữa 2 đường dệt: 110mm (+/-2)



** Ghi chú: Trường hợp tại thời điểm kiểm tra thử nghiệm các loại vải trên, nếu đơn vị thử nghiệm có sự thay đổi về phương pháp thử thì phương pháp thử được cập nhật thay thế.*

** Lưu ý: Vải của nhà thầu cung cấp vải theo hợp đồng nguyên tắc với nhà thầu tham dự thầu hoặc với nhà sản xuất hàng hóa đáp ứng đúng thông số theo Yêu cầu về kỹ thuật tại Chương V. Trường hợp nhà thầu trúng thầu, sử dụng lô vải khác với lô vải đã được thử nghiệm thì phải cung cấp giấy chứng nhận mẫu thử tương ứng và chỉ được sản xuất sau khi nộp giấy chứng nhận nêu trên, và giấy chứng nhận đáp ứng đúng thông số theo Yêu cầu về kỹ thuật tại Chương V.*

Mục 3. Các yêu cầu khác

3.1. Yêu cầu về cung cấp, bàn giao hàng hoá:

- Nhà thầu phải có thuyết minh trình bày chi tiết phương án cung cấp bàn giao hàng hoá, đảm bảo tiến độ cung cấp hàng hoá, phù hợp giải pháp kỹ thuật, nằm trong phạm vi thời gian giao hàng yêu cầu nêu trong E-HSMT.

- Vận chuyển và đóng gói hàng hóa theo cá nhân, ghi rõ tên người sử dụng, có kích cỡ trùng khớp với số đo: Nhà thầu có cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm về quá trình vận chuyển, bốc xếp, đóng gói hàng hóa. Nhà thầu chịu trách nhiệm bàn giao và lắp đặt tại vị trí theo chỉ định của Bên tiếp nhận.

- Phương án thông báo thông tin, phối hợp bàn giao hàng hoá: Cam kết hoặc có thuyết minh đảm bảo báo trước thời điểm bàn giao hàng, dự kiến tối thiểu **24 giờ** để bố trí mặt bằng và cán bộ phối hợp tiếp nhận, giám sát.

- Cam kết nội dung sau: Các thiết bị vận chuyển, các nhân sự bố trí tham gia các nội dung công việc thuộc gói thầu đều có thông tin lý lịch rõ ràng đầy đủ giấy tờ đăng ký, giấy tờ tùy thân theo quy định. Các nhân sự không có tiền án, tiền sự đủ điều kiện cấp lý lịch tư pháp và sẵn sàng cung cấp lý lịch tư pháp khi có yêu cầu xuất trình của Chủ đầu tư.

3.2. Bảo hành, bảo trì, dịch vụ sau bán hàng

Nhà thầu có thuyết minh nêu rõ phương án bảo hành, bảo trì và các dịch vụ sau bán hàng đáp ứng các yêu cầu:

- Nếu trong thời gian 12 tháng mà hàng hóa bị hư hỏng do lỗi chất lượng thì bên B phải đổi lại vật tư mới cho bên A. Thời gian để cho bên B khắc phục đền bù quy định là trong vòng 05 ngày kể từ ngày hai bên ký biên bản giám định xác nhận bảo hành.

- Cơ chế giải quyết các hư hỏng, khuyết tật phát sinh trong quá trình sử dụng hàng hóa trong thời hạn 12 tháng:

+ Có thuyết minh cụ thể các trường hợp thuộc phạm vi bảo hành hàng hóa tại E-HSDT.

+ Phương thức bảo hành: Thu hồi sản phẩm lỗi và hoàn trả sản phẩm có chất lượng tương ứng theo quy định hợp đồng.

+ Có cung cấp số điện thoại đường dây nóng túc trực xử lý sự cố (hoạt động 24/24h) và địa chỉ liên hệ.

+ Khi nhận được yêu cầu về bảo hành, trong vòng 2 giờ Nhà thầu phải cử nhân sự có mặt để đánh giá kỹ thuật và xử lý sự cố, thời gian khắc phục bảo hành không quá 03 ngày.

3.3. Các yếu tố về điều kiện thương mại;

- Nhà thầu cam kết tổ chức hướng dẫn sử dụng, bảo quản cho bên mua theo đúng các nội dung hướng dẫn sử dụng, bảo quản của nhà sản xuất.

- Và nhà thầu cam kết sẽ chấp thuận hoàn toàn các điều kiện thương mại đã được nêu tại E-HSMT. Ngoài ra cam kết chấp thuận hoàn toàn quy chế xử phạt hợp đồng, cụ thể như sau:

+ Phạt 1%/1 ngày chậm so với tiến độ chi tiết đã được đề xuất tại E-HSDT;

+ Phạt 3%/1 ngày chậm so với tổng tiến độ thực hiện gói thầu được đề xuất tại E-HSDT;

+ Khi nhà thầu chậm quá 3 ngày so với tiến độ chi tiết hoặc so với tổng tiến độ, nhà thầu sẽ bị chấm dứt hợp đồng mà không cần báo trước. Đồng thời với việc chấm dứt hợp đồng, nhà thầu sẽ bị xử phạt theo quy định nêu trên, giá trị phạt hợp đồng được khấu trừ trực tiếp vào giá trị nhà thầu đã thực hiện. Trường hợp nhà thầu chưa thực hiện (chưa có giá trị để giảm trừ), nhà thầu sẽ bị tịch thu toàn bộ giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng;

+ Tịch thu toàn bộ giá trị bảo hành trong trường hợp nhà thầu không cung cấp dịch vụ bảo hành với thời gian sửa chữa không đúng theo thời gian yêu cầu.

- Và có cam kết trong giá dự thầu ngoài giá hàng hóa tới địa điểm cung cấp còn phải bao gồm toàn bộ các loại thuế, phí, lệ phí, bảo hiểm, bảo hành, chi phí sửa chữa và các chi phí khác theo yêu cầu tại Chương V.

3.4. Biện pháp đảm bảo chất lượng:

- Cung cấp Giấy chứng nhận chất lượng hàng hóa do nhà sản xuất khi nghiệm thu, thanh toán hợp đồng.

- Nhà thầu thuyết minh biện pháp tổ chức, giải pháp Thiết kế, kiểm duyệt Thiết kế đầy đủ trong các giai đoạn từ ký hợp đồng, nhập nguyên liệu, xử lý nguyên liệu, sản xuất, bàn giao, và bảo trì, bảo hành, được phân chia thành những nhiệm vụ cụ thể một cách hoàn chỉnh và logic, đồng thời có phân công chi tiết cho từng chuyên gia, cán bộ quản lý đề xuất cho gói thầu.

- Có phân tích phương án và máy móc để xử lý độ co của vải trước khi sản xuất trang phục (để đảm bảo 100% sản phẩm trong quá trình sử dụng không bị biến dạng và bị co khi giặt).

- Nhà thầu có phương án thực hiện chi tiết, rõ ràng kế hoạch, số lượng nguyên vật liệu cần chuẩn bị để thực hiện gói thầu, thời gian chi tiết về triển khai lấy số đo may trang phục, tại các cơ sở của Agribank Chi nhánh Ninh Bình.

- Thuyết minh biện pháp hậu kiểm, kiểm tra, đóng gói và nghiệm thu bàn giao sản phẩm trước khi đưa vào sử dụng.

- Khuyến khích nhà thầu gửi đủ mẫu các loại. Đối với mẫu vải may (tối thiểu 1,5m²), trong vòng 05 ngày sau thời điểm đóng thầu. Hàng mẫu được tiếp nhận, xem xét, đánh giá về ngoại quan, hình dáng, kích thước .. và làm cơ sở đối chiếu thông số theo các yêu cầu kỹ thuật tại Mục 2 Chương V của E-HSMT khi Chủ đầu tư có nhu cầu.

- Các mẫu sẽ được Chủ đầu tư hoàn trả trong vòng 30 ngày kể từ ngày có kết quả lựa chọn nhà thầu. Đối với nhà thầu trúng thầu được giữ làm cơ sở để chủ đầu tư nghiệm thu, đánh giá chất lượng hàng hoá do nhà thầu cung cấp theo danh mục gói thầu.

3.5. Yêu cầu về đấu thầu bền vững và uy tín của Nhà thầu tham dự thầu

a. Uy tín của nhà thầu thông qua việc thực hiện các hợp đồng tương tự trước đây.

Nhà thầu cam kết đầy đủ nội dung sau trong E-HSDT:

- Nhà thầu không có hợp đồng tương tự chậm tiến độ hoặc bỏ dở do lỗi của nhà thầu.

- Nhà thầu không có hợp đồng không thực hiện các cam kết về bảo hành, bảo trì, dịch vụ sau bán hàng.

b. Uy tín của nhà thầu về việc đảm bảo tình trạng pháp lý lành mạnh khi tham dự gói thầu

Có cam kết nội dung sau trong HSDT:

- Nhà thầu, Đại diện pháp luật của nhà thầu, các nhân sự tham gia thực hiện gói thầu không đang trong tình trạng thụ lý điều tra, khởi tố hoặc tranh chấp, kiện tụng mà thời gian xử lý tranh chấp kiện tụng nằm trong thời gian dự kiến thực hiện gói thầu

- Cam kết mọi cá nhân được giao nhiệm vụ liên hệ, nhiệm vụ thực hiện các công việc thuộc gói thầu đều có lý lịch tư pháp rõ ràng, không có tiền án tiền sự và nhà thầu sẵn sàng cung cấp lý lịch tư pháp đầy đủ nếu chủ đầu tư có yêu cầu.

- Nhà thầu hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ theo quy định của pháp luật trong việc sử dụng lao động (Sử dụng nhân sự trong độ tuổi lao động theo quy định, có ký hợp đồng lao động trong trường hợp phải ký hợp đồng lao động và hoàn tất các nghĩa vụ trả lương, thù lao, đóng bảo hiểm bắt buộc và các chế độ khác đầy đủ và đúng thời hạn theo quy định của Pháp luật...)

- Nhà thầu có cam kết không có các hành vi vi phạm qui định về mua, bán trái phép hóa đơn, gian lận thuế hoặc trốn thuế theo quy định của pháp luật trong 3 năm gần nhất.

- Nhà thầu có cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật về trụ sở chính và địa điểm kinh doanh theo quy định của pháp luật.

- Cam kết tuân thủ trách nhiệm đền bù đối với mọi thiệt hại đối với và các bên liên quan gây ra do lỗi của Nhà thầu trong quá trình thực hiện gói thầu.

c. Uy tín của nhà thầu trong quá trình tham gia hoạt động đấu thầu

- Cam kết không bị kết luận vi phạm quy định về đấu thầu ở bất kỳ gói thầu nào trong vòng 3 năm gần nhất trước thời điểm đóng thầu;

- Cam kết không đang bị bất kỳ Chủ đầu tư, nào cấm tham gia hoạt động đấu thầu trong vòng 3 năm gần nhất trước thời điểm đóng thầu;(Trường hợp các kết luận công khai trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia chưa kịp xử lý chính thức trước thời điểm dự thầu nhà thầu có thể cung cấp xác nhận chính thức của đơn vị có kết luận vi phạm để chứng minh)

d. Uy tín của nhà thầu trong việc sử dụng các tài liệu thông tin trong hồ sơ dự thầu

Nhà thầu có cam kết các nội dung sau:

- Cam kết các thông tin kê khai và các tài liệu đính kèm trong hồ sơ dự thầu là chính xác và trung thực, nhà thầu đã xác minh tính chính xác và chân thực của thông

tin, tài liệu trước khi dự thầu và sẵn sàng cung cấp thông tin, tài liệu chứng minh tính xác thực theo yêu cầu của .

- Cam kết có đầy đủ bản gốc của các tài liệu đính kèm hồ sơ dự thầu và các tài liệu chứng minh nội dung thông tin kê khai tại E-HSDT, sẵn sàng cung cấp đối chiếu nếu có yêu cầu của .

Mục 4. Không có

Mục 5. Kiểm tra và thử nghiệm:

1. Bao bì đóng gói:

Mỗi bộ đồng phục của từng người được đóng vào bao bì phù hợp, có thể bài hướng dẫn sử dụng sản phẩm có ghi rõ họ tên, đơn vị và được đóng theo nhóm của từng đơn vị, bên ngoài bằng thùng carton, bên trong có lót giấy chống ẩm hoặc túi PE thuận tiện cho vận chuyển.

2. Bảo hành sản phẩm:

- Sửa chữa, thay thế, đổi mới trong vòng 12 giờ nếu hàng hóa bị lỗi tại thời điểm giao hàng; Sửa chữa, thay thế, đổi mới trong vòng 24 giờ nếu hàng hóa bị lỗi trong thời gian bảo hành (12 tháng).

- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành: nhà thầu phải trình bày được kế hoạch cung cấp dịch vụ bảo hành hàng hoá.

3. Kiểm tra thử nghiệm hàng hóa:

- Nhà thầu sẵn sàng mẫu, mẫu vải mỗi loại (tối thiểu 1,5m²) nếu được mời vào đối chiếu tài liệu để phục vụ trường hợp có tranh chấp hoặc không thống nhất về chất liệu vải, Chủ đầu tư sẽ tiến hành gửi mẫu vải đi kiểm định lại chất lượng tại cơ quan có thẩm quyền. Mọi chi phí sẽ do nhà thầu chịu trách nhiệm. Kết quả kiểm nghiệm về tiêu chuẩn kỹ thuật sẽ được Chủ đầu tư/ đối chiếu để đánh giá về mặt kỹ thuật theo quy định tại chương này.

Tại thời điểm bàn giao hàng hóa, cử cán bộ đại diện tiến hành kiểm tra và thử nghiệm bất cứ sản phẩm của bất kỳ lô hàng nào. Nếu hàng hóa không đạt yêu cầu về kỹ thuật, có quyền từ chối nhận hàng, nhà thầu phải có nghĩa vụ khắc phục và thay thế hàng hóa đảm bảo chất lượng trong thời gian 24h. Trong trường hợp phát sinh chi phí kiểm thử chất lượng hàng hóa để xác định lỗi về chất lượng hàng hóa thì chi phí này do nhà thầu chịu.

Nghiệm thu: Hàng hóa đạt chất lượng và bàn giao số lượng đầy đủ được hai bên giao nhận ký nghiệm thu. Căn cứ biên bản nghiệm thu để xác định hoàn thành công việc làm cơ sở thanh toán.

Chủ đầu tư/ được quyền thử nghiệm kiểm chứng thành phần hàng hóa tại một đơn vị độc lập để xác định chất lượng hàng hóa do nhà thầu cung cấp. Nhà thầu phải chịu toàn bộ chi phí phát sinh và nhận lại hàng hóa đã giao